

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 5 – 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2. Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 376/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Địa chỉ: số 26, ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Phương N, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Nam – chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone; Địa chỉ: Số 03-04, đường Âu Cơ, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Ngọc Q; chức vụ: Tổ trưởng Tổ Viễn thông Cà Mau, Đài Viễn thông Cần Thơ thuộc Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Nam là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2022 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân, anh và chị Trần Thị Phương N chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng đến năm 1997, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng M, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1999, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế gia đình nên chị N bỏ nhà đi khoảng 01 năm thì trở về chung sống với anh và sinh được một người con. Đến năm 2012, cũng vì mâu thuẫn kinh tế gia đình nên chị N gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án. Sau đó, anh chị đã hòa giải đoàn tụ nên rút đơn xin ly hôn. Đến năm 2020, chị N tiếp tục bỏ nhà đi nên anh trình báo với chính quyền địa phương và không xem chị N là thành viên trong gia đình, chị N cũng đồng ý ký tên vào biên bản, việc chị N trình bày anh chơi cờ bạc, đánh đập chị nhiều lần là không có. Từ năm 2020 đến nay, anh và chị N sống ly thân với nhau, hiện anh không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N.

Về con chung, có 02 con chung Nguyễn Trọng Hữu, sinh ngày 12/5/1997 và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh ngày 31/10/2001. Hiện hai con đã thành niên tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh H không đặt ra yêu cầu việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh H khai có những vật dụng trong gia đình gồm: 01 máy lạnh, 02 tủ quần áo bằng cây, 01 cái giường cây, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 02 bồn nước bằng nhựa, 01 bộ bàn ghế cây, 02 cái giường kiềng, 01 cái bàn trang điểm và 01 máy nước nóng lạnh – đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng khi ly hôn, anh và chị N tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với phần đất ruộng có diện tích 6.116m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh H, hiện đã thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Tắc Vân và 01 phần đất thổ cư, đất vườn có diện tích 1.111m² cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh cùng chị N, hiện đang cầm cố cho ông Vinh và 02 bộ ván ngựa. Cả hai phần đất này cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất, 02 bộ ván ngựa có nguồn gốc từ ông bà cho cha mẹ anh, sau đó cha mẹ cho lại anh – đây là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị N. Đối với phần tiền cho Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone thuê mặt bằng để lắp đặt trạm thu phát sóng viễn thông trên phần đất thổ cư, đất vườn giữa anh và Trung tâm có ký hợp đồng thuê vào ngày 06/02/2020, thời hạn thuê 05 năm, giá thuê mỗi năm là 50.000.000 đồng – đây là khoản tiền riêng của anh H nên anh không đồng ý chia cho chị N, hiện hợp đồng đang thực hiện. Do đó, anh không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu gì đối với việc giải quyết hợp đồng trên.

Về nợ chung, anh H khai có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Tắc Vân số tiền 100.000.000 đồng và nợ ông Vinh (không nhớ họ, địa chỉ cụ thể) số tiền 85.000.000 đồng và nợ ông Võ Văn Tèo, bà Nguyễn Thị Cúc (không rõ địa chỉ) số tiền 85.000.000 đồng. Các khoản nợ này là nợ chung, nhưng khi ly hôn anh H nhận trách nhiệm trả không đặt ra yêu

cầu chị N cùng trả nợ. Đối với các khoản nợ chị N khai là nợ riêng của chị N nên anh không đồng ý trả.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Trần Thị Phương N (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân và con chung, anh H trình bày là đúng nhưng về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H trình bày không đúng mà nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H đam mê cờ bạc, không lo làm ăn, đánh chị nhiều lần nên chị mới bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó, chị có gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn vào năm 2012 nhưng vì thương con và do anh H hứa sửa đổi nên chị rút đơn kiện lại về chung sống với anh H. Tuy nhiên, cuộc sống giữa vợ chồng không hạnh phúc đến năm 2020, anh H buộc chị ký tên vào văn bản ủy quyền cho anh H vay tiền, chị không đồng ý thì anh H đánh chị nên chị dọn ra ngoài ở riêng và sống ly thân cho đến nay, hiện chị không còn tình cảm với anh H nên đồng ý ly hôn với anh H.

Về tài sản chung, chị N khai có các tài sản gồm: Hai phần đất tọa lạc tại ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất, tài sản này của cha mẹ chồng cho chị và anh H. Ngoài ra, còn có 02 máy lạnh, 02 bộ ván ngựa, 02 tủ quần áo bằng cây, 01 cái giường cây, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh và 02 bồn nước bằng nhựa. Khi ly hôn, chị tự định giá giá trị căn nhà cùng các vật dụng trên có giá trị là 88.000.000đ. Mặc dù, nguồn gốc nhà đất cùng các vật dụng nêu trên là của cha mẹ chồng cho nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị yêu cầu chia đôi. Bên cạnh đó, chị có tham gia chơi hụi của bà Nguyễn Võ Thanh Hoa vào năm 2013 và có mua sắm một số vật dụng trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế cây, 02 cái giường kiêu, 01 cái bàn trang điểm và 01 máy nước nóng lạnh – Đây là tài sản riêng của chị, hiện anh H đang giữ nên yêu cầu anh H trả lại cho chị. Đối với phần tiền cho Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone thuê mặt bằng để lắp đặt trạm thu phát sóng viễn thông trên phần đất thổ cư, đất vườn giữa anh H và Trung tâm vào ngày 06/02/2020 – đây là khoản tiền chung của vợ chồng, nên chị N yêu cầu chia đôi số tiền thuê và xác định không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu gì đối với việc giải quyết hợp đồng trên với Trung tâm.

Về nợ chung, chị N khai có nợ hụi bà Nguyễn Võ Thanh Hoa số tiền 160.000.000 đồng, nợ ông Trần Quang Nhơn số tiền 20.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị Ngân số tiền 20.000.000 đồng và nợ bà Trần Thị Phương Loan 02 chỉ vàng 24K. Đây là nợ chung của vợ chồng bởi chị hốt hụi về để mua sắm một số tài sản, vật dụng trong gia đình như nêu ở trên và san lấp mặt bằng để chuẩn bị đám cưới cho con, các khoản nợ còn lại là mượn để làm đám cho con, việc mượn này anh H có biết. Khi ly hôn, chị yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên. Đối với các khoản nợ anh H khai, chị không biết và cũng không nợ nên chị không đồng ý trả.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ngày 06/02/2020, Trung tâm có ký hợp đồng thuê mặt bằng trạm thu phát sóng viễn thông số 58/HĐ-MLMN-ĐVTCT tại địa chỉ số 26, ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau với anh Nguyễn Văn H. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Nay anh H và chị N có tranh chấp về việc ly hôn nhưng không đặt ra yêu cầu về việc thanh lý hợp đồng mà vẫn đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng nên Trung tâm nhận thấy quyền lợi của Trung tâm vẫn được đảm bảo. Do đó, anh Q xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án trên. Trường hợp sau này giữa các bên có tranh chấp thì Trung tâm sẽ khởi kiện ông H ở vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Hồ Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone đã có ý kiến và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân, anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Phương N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy anh, chị trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét mâu thuẫn thực tế được anh, chị thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai, hiện anh chị xác định không còn tình cảm với nhau đều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của anh H về việc xin ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung là Nguyễn Trọng Hữu, sinh ngày 12/5/1997 và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh ngày 31/10/2001. Hiện hai con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh H cùng chị N không đặt ra yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, anh chị trình bày không thống nhất với nhau về tài sản chung, tài sản riêng nhưng từ lời khai của anh, chị có cơ sở xác định tài sản hiện có của anh, chị trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 máy lạnh, 02 bộ ván ngựa, 02 tủ quần áo bằng cây, 01 cái giường cây, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 02 bồn nước bằng nhựa, 01 bộ bàn ghế cây, 02 cái giường kiêu, 01 cái bàn trang điểm, 01 máy nước nóng lạnh và hai phần đất tọa lạc tại ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau cùng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất. Khi ly hôn, anh H không đặt ra yêu cầu chia mà giữa anh với chị N tự thỏa thuận, riêng chị N có yêu cầu chia tài sản nên vào ngày 11/01/2022, Tòa án ra

thông báo cho chị nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản nhưng đến nay chị vẫn không nộp. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết phân chia các tài sản trên mà tách ra giải quyết ở vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung, anh H và chị N khai nợ rất nhiều chủ nợ nhưng không thống nhất với nhau nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lập biên bản ấn định thời gian cho anh, chị cung cấp địa chỉ cụ thể của các chủ nợ nhưng đến nay anh, chị vẫn không cung cấp nên Tòa án không tiến hành mời làm việc được. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xác định nghĩa vụ trả nợ của anh, chị nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Hơn nữa, về tài sản của anh chị có được trong thời kỳ hôn nhân, Hội đồng xét xử chưa giải quyết phân chia nên việc giải quyết cho anh, chị ly hôn vẫn đảm bảo quyền lợi của các chủ nợ. Trường hợp sau này, anh chị không thỏa thuận được việc phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ thì anh, chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu thanh toán các khoản nợ anh, chị còn nợ ở vụ kiện dân sự khác.

[6] Đối với việc ký hợp đồng thuê mặt bằng trạm thu phát sóng viễn thông số 58/HĐ-MLMN-ĐVTCT tại địa chỉ số 26, ấp Cây T, xã Định B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/02/2020 giữa Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone với anh Nguyễn Văn H, hiện các đương sự không có tranh chấp và không đặt ra yêu cầu gì đối với việc giải quyết hợp đồng thuê nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc xin ly hôn chị Trần Thị Phương N.

- Về con chung là Nguyễn Trọng Hữu, sinh ngày 12/5/1997 và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh ngày 31/10/2001. Hiện hai con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh H cùng chị N không đặt ra yêu cầu gì về con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết ở vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 25/11/2021, anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000675 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Hưng M,
H.Cái N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân